

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-PT.

Ngày 05/7/2018.

V/v : "Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán:

Ông Thân Quốc Hùng

Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/5/2018 và ngày 05/6/2018 và ngày 05/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT- DS ngày 27/2/2018 về việc: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản ” do bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2017/DS - ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2018/QĐ-PT ngày 30/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐ-PT ngày 10/4/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 12/2018/QĐ-PT ngày 09/5/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 15/2018/QĐ-PT ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Dương Quang M, sinh năm 1953 Nơi cư trú: thôn GT, xã T T, huyện TY, Bắc Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H và bà Thân Thị Thúy V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPL nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang; (đều có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Anh Giáp Văn K, sinh năm 1973 (có mặt)

2.2 Chị Phạm Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Đều cư trú: thôn GT, xã T T, huyện TY, Bắc Giang;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Triệu Hạnh H - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân xã T T, huyện TY, tỉnh Bắc Giang, do bà Phạm Kim Th2 - cán bộ địa chính xã T T đại diện theo ủy quyền; (vắng mặt);

3.2 Cháu Giáp Thị Kim O, sinh năm 1998 (vắng mặt);

3.3 Cụ Hà Thị H2- sinh năm 1920 (Vắng mặt);

3.4 Bà Lương Thị L1, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

3.5 Chị Dương Thị Thanh T2, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Đều cư trú: thôn GT, xã T T, huyện TY, Bắc Giang;

3.6 Anh Dương Văn T3, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 71/44 Huỳnh Văn Lũy, tổ 44, khu phố 8, phường P, TP. T, tỉnh Bình Dương;

3.7 Anh Dương Tiến T4, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 2, phường Đ, quận B, TP. Hà Nội.

Cụ H2, bà L1, chị T2, anh T3, anh T4 đều do ông Dương Quang M đại diện theo ủy quyền. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2015, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Dương Quang M trình bày: Năm 2005, gia đình ông có xây một bức tường bao từ cổng kéo vào vườn, ông xây tường bao trên phần đất đường đi từ cổng vào, đã được UBND xã T T cấp cho gia đình ông để làm đường đi từ năm 1995. Bức tường ông xây dựng tiếp giáp với ao NĐ mà gia đình anh K, chị H đấu thầu với UBND xã TT. Ngày 20/3/2013 gia đình anh K, chị H đề nghị UBND xã T T cho cải tạo ao và đến ngày 03/4/2013, anh K, chị H đã thuê máy múc về mức diện tích ao được thầu, khi mức ao anh K đã mức lần chiếm, mở rộng ao, mức sát vào chân tường bao nhà ông cách khoảng 50cm, sâu khoảng 85cm, mức sâu hơn chân móng tường nhà ông khoảng 35cm. Sau đó vợ chồng anh K tiếp tục đào sát chân móng tường nhà ông làm hở móng hoàn toàn. Khi sự việc xảy ra, ông đã có đơn đề nghị UBND xã T T giải quyết. UBND xã T T đã ba lần giải quyết và đã yêu cầu anh K có biện pháp khắc phục ngay và anh K đã mang cọc tre ra đóng gá vào đó, một thời gian sau anh K lại nhổ cọc tre đi. Do anh K mức sâu và sát bờ tường bao của gia đình ông nên một thời gian sau thì bờ tường bao của gia đình ông bị sụt. Ngày 20/7/2015 ông kiểm tra bờ tường thì thấy lòng ao anh K cải tạo sâu hơn chân móng của bờ tường bao là 25cm. Toàn bộ bờ tường đã nghiêng về phía ao do anh K đấu thầu. Ngày 25/6/2015 bờ tường bao của gia đình ông đã bị đổ có chiều dài 8,5m và làm đổ một đoạn máng thoát nước có chiều dài

5,5m, phần tường còn lại nghiêng hoàn toàn về phía ao, đến nay bức tường bao của gia đình ông đã đổ hoàn toàn.

Nguyên nhân bức tường gia đình ông bị đổ là do vợ chồng anh K, chị H cải tạo ao không đúng quy định, khi cải tạo ao đã mức sâu làm hở chân móng tường nhà ông, do đó lỗi hoàn toàn do vợ chồng anh K, chị H gây ra. Ông yêu cầu vợ chồng anh K, chị H phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông trị giá bức tường bao và máng thoát nước bị đổ là 32.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Giáp Văn K, chị Phạm Thị H trình bày:

Năm 2012, vợ chồng anh tái đầu thầu ao NĐ, khi tái thầu vợ chồng anh thấy ao nông, bùn nhiều sẽ không thả được cá và không đảm bảo cho sản xuất, nên vợ chồng anh đã làm đơn xin UBND xã T T cho cải tạo ao và lập kế hoạch cải tạo ao chi tiết. Sau khi được UBND xã T T cũng như các ban ngành đoàn thể trong thôn cho phép cải tạo ao, thì đầu năm 2013 vợ chồng anh đã tiến hành cải tạo ao. Khi anh tiến hành cải tạo ao thì thấy bức tường nhà ông M liền kề với ao của vợ chồng anh không được chắc chắn nên gia đình anh chị đã thỏa thuận với anh máy mức là mức cách xa chân tường nhà ông M khoảng 01m để sau này bức tường nhà ông M không bị sạt lở. Sau khi cải tạo ao xong thì vợ chồng anh đã cho nước vào và thả cá cho đến nay chưa hề tát nước hoặc mức lại ao.

Tháng 6/2015, do ảnh hưởng của cơn bão, mưa to kéo dài, nước mưa từ trên đồi dồn về nhiều và do bức tường gia đình nhà ông M xây đã lâu và không chắc chắn nên đã bị đổ ở phần cuối đoạn tường.

Nguyên nhân bức tường bao nhà ông M bị đổ là do thiên tai chứ không phải do lỗi của vợ chồng anh, vì vợ chồng anh cải tạo ao từ năm 2013 đến năm 2015 đoạn tường nhà ông M mới bị đổ, và khi cải tạo vợ chồng anh không lấn chiếm hay làm ảnh hưởng gì đến bức tường của gia đình ông M. Vì vậy, anh chị không chấp nhận bồi thường 32.000.000 đồng như yêu cầu của ông M.

Tại các biên bản ghi lời khai, bà Phạm Kim Th2 - cán bộ địa chính xã, đại diện theo ủy quyền của UBND xã T T trình bày: Năm 2012 UBND xã T T có ký hợp đồng giao khoán ao NĐ với bà Nguyễn Thị T. Sau khi ký hợp đồng giao khoán thì bà Tuất đã có đơn đề nghị UBND xã cho con trai bà là Giáp Văn K sử dụng ao NĐ để thả cá và tích nước. Ngày 20/3/2013 hộ anh K có đơn đề nghị UBND xã T T cho phép cải tạo ao, sau khi được sự đồng ý của UBND xã thì hộ anh K đã tiến hành cải tạo ao, UBND xã có giao cho lãnh đạo thôn GT và cán bộ chuyên môn của xã giám sát. Sau khi hộ anh K cải tạo ao NĐ xong thì UBND xã tiến hành nghiệm thu, khi UBND xã tiến hành nghiệm thu thì giữa hộ anh K với hộ ông M xảy ra tranh chấp, do đó UBND xã T T không tiến hành nghiệm thu được.

Việc gia đình anh K cải tạo ao NĐ có ảnh hưởng đến bờ tường bao của gia đình ông M hay không UBND xã không biết. Ông M bị đổ bờ tường bao, nguyên

nhân đồ như thế nào UBND xã T T không biết. Nay UBND xã xác định không liên quan gì trong vụ án và đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 11/2016/DS-ST ngày 19/7/2016, Tòa án nhân dân huyện TY đã xử: Buộc anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H phải bồi thường cho ông Dương Quang M số tiền 12.062.000đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, án phí.... Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân huyện TY đã kháng nghị bản án, ông M, anh K đã kháng cáo bản án.

Tại bản án phúc thẩm số 63/2016/DSPT ngày 02/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhận định: Tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu bồi thường chi phí đổ đất, yêu cầu anh K chị H tháo nước ao để ông M xây lại tường, không xem xét yêu cầu ông M phải vớt toàn bộ số gạch bị đổ dưới ao của anh K chị H. Tòa sơ thẩm chưa trưng cầu giám định cơ quan chuyên môn đã kết luận anh K chị H chịu $\frac{1}{2}$ lỗi làm đổ bức tường của ông M là chưa có căn cứ. Ngoài ra Tòa sơ thẩm không buộc ông M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định của pháp luật. Với những thiếu sót nêu trên, Tòa phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Sau khi thụ lý lại vụ án, ngày 08/6/2017, Tòa án nhân dân huyện TY đã ra quyết định trưng cầu giám định đến Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng của Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang nhằm giám định nguyên nhân làm đổ bức tường và máng nước của ông M. Tuy nhiên, do không có hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt nên không đủ cơ sở để Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thực hiện trưng cầu giám định theo yêu cầu của Tòa án được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài các yêu cầu ban đầu, ông M đã bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, buộc anh K, chị H bồi thường tổng số tiền là 45.660.196 đồng, gồm: trị giá bức tường bao bị đổ: 29.315.550đ, trị giá máng thoát nước bị đổ: 315.000đ, tiền đổ đất vào chân móng bị hờ sau khi xây: 2.327.646đ, tiền bồi thường giá trị rau ăn bị thiệt hại tính đến 30/8/2017: 8.700.000đ, trị giá 01 cây cau bị chết do hẫng chân gốc: 542.000đ, tiền ngày công (mất thu nhập những ngày đi thu thập tài liệu, làm việc tại Tòa) và in ấn, photocopy công chứng tài liệu: 3.850.000đ, tiền chụp ảnh, in ảnh làm chứng cứ nộp cho Tòa án: 610.000đ, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc anh K chị H tháo nước trong ao để ông xây lại tường.

Tại phiên tòa, ông M yêu cầu anh K chị H phải tháo nước ao để ông xây lại tường đồng thời phải bồi thường cho ông các khoản gồm: trị giá bức tường 29.315.550đ, trị giá máng thoát nước 315.000đ, trị giá đất đổ sau khi xây lại tường 2.327.646đ, trị giá cây cau bị chết 542.000đ, tiền in ấn, photocopy công chứng tài liệu 500.000đ, tiền chụp ảnh làm bằng chứng 610.000đ, tiền thiệt hại rau ăn là

9.830.000đ, tiền mất thu nhập những ngày đi thu thập tài liệu và làm việc tại Tòa án là 5.800.000đ, tiền xăng xe đi lại là 500.000đ. Tổng cộng là 49.110.196 đồng. Ngoài ra, ông M không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 08/3/2017 và các lời khai tiếp theo anh K, chị H vẫn trình bày: Bức tường của ông M bị đổ là do đã xây từ lâu, gặp mưa bão nên đổ chứ anh chị cải tạo ao đúng quy định nên không có lỗi và không chấp nhận bồi thường cho ông M. Anh chị yêu cầu ông M phải vớt gạch đất bị đổ dưới ao lên để trả lại lòng ao cho anh chị canh tác. Ngày 07/8/2017, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này, cùng ngày Tòa án nhân dân huyện TY đã thụ lý yêu cầu phản tố buộc ông M phải vớt gạch, đất trả lại lòng ao cho chị canh tác.

Tại phiên tòa, anh K và chị H vẫn giữ nguyên ý kiến, ngoài ra anh chị cũng không yêu cầu ông M phải trả lại anh chị diện tích bờ ao và bồi thường thiệt hại do không canh tác được trên phần diện tích đó nữa.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của cụ Hà Thị H2, bà Lương Thị L1, anh Dương Văn T3, anh Dương Tiến T4, chị Dương Thị Thanh T2, ông Dương Quang M vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Giáp Thị Kim O nhưng cháu O không đến Tòa làm việc, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai của cháu O.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2017 và các lời khai tiếp theo, bà Phạm Kim Th2 - Cán bộ địa chính xã, đại diện theo ủy quyền của UBND xã T Trình bày: Việc anh K chị H cải tạo ao đã được Ủy ban nhân dân xã cho phép nhưng khi cải tạo xong do có tranh chấp nên không nghiệm thu được. Việc ông M xây bức tường từ năm 2005 không ai có ý kiến gì, Ủy ban nhân dân xã cũng không có ý kiến gì. Còn nguyên nhân đổ tường thì Ủy ban nhân dân xã không biết.

Tại phiên tòa, bà Th2 vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Quang M là bà Nguyễn Thị H và bà Thân Thị Thúy V trình bày: Năm 2013, khi gia đình anh K, chị H cải tạo ao đã mức đất gần chân móng và sâu hơn móng tường nhà ông M làm hẫng chân tường dẫn đến bức tường bao của gia đình ông M bị đổ. Để xảy ra hậu quả bức tường bị đổ là hoàn toàn do lỗi của anh K chị H. Do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K, chị H là Luật sư Triệu Hạnh Hiền trình bày: Bức tường nhà ông M xây dựng trên phần đất không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất nên không phải là tài sản hợp pháp của ông M. Do không tiến hành giám định được nguyên nhân bức tường đổ nên không có

căn cứ xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi đào ao của anh K chị H với hậu quả là bức tường nhà ông M bị đổ. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của ông M đối với anh K, chị H.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS - ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Xử:

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 268, Điều 604, Điều 608 - Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357, khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 4, khoản 5, Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang M đối với anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H.

- Buộc anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Dương Quang M số tiền 26.393.000 đồng.

- Buộc anh K chị H phải tháo cạn nước ao NĐ do anh chị đang sử dụng để ông M xây lại bức tường.

- Bác các yêu cầu của ông Dương Quang M gồm: yêu cầu bồi thường chi phí in ấn, phô tô công chứng tài liệu, tiền chụp ảnh làm bằng chứng nộp Tòa án, tiền mất thu nhập do phải thu thập tài liệu và đến Tòa án làm việc, thiệt hại về rau ăn, thiệt hại 01 cây cau chết.

2. Bác yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị H đối với ông Dương Quang M. Ông Dương Quang M không phải vớt gạch đất dưới ao NĐ do anh K chị H đang đầu thầu.

3. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H phải hoàn trả cho ông Dương Quang M số tiền 2.550.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/01/2018 bị đơn chị Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 42/2017/DS - ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Quang M là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn chị Phạm Thị H không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bị đơn chị Phạm Thị H trình bày kháng cáo:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy án sơ thẩm với lý do: Án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 05/01/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thêm yêu cầu của nguyên đơn: Bác các yêu cầu của ông Dương Quang M gồm: yêu cầu bồi thường chi phí in ấn, phô tô công chứng tài liệu, tiền chụp ảnh làm bằng chứng nộp Tòa án, tiền mất thu nhập do phải thu thập tài liệu và đến Tòa án làm việc, thiệt hại về rau ăn, thiệt hại 01 cây cau chết) do đó quyết định này không có giá trị pháp lý. Như vậy cấp sơ thẩm giải quyết thiếu yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn yêu cầu Tòa án xác minh điều tra vị trí bờ ao mà nguyên đơn xây dựng thuộc quyền sử dụng đất của ai? Bờ ao thuộc quyền sử dụng đất của ai ? đây là yêu cầu chính đáng của bị đơn nhưng tòa án cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ.

Về nội dung: không có kết quả giám định nguyên nhân bức tường bị đổ do đó không chứng minh được có là lỗi của bị đơn hay không.

Bị đơn chị Phạm Thị H: nhất trí nội dung kháng cáo do luật sư trình bày.

Trợ giúp pháp lý viên bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Không nhất trí nội dung kháng cáo của bị đơn vì lỗi của bị đơn đã được chứng minh rõ trong quá trình xét xử sơ thẩm. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn nhất trí nội dung quan điểm của trợ giúp viên pháp lý.

Bị đơn anh K trình bày: Anh nhất trí nội dung kháng cáo do luật sư và chị H trình bày.

Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày: Gia đình tôi có thiện chí hòa giải để chấm dứt sự việc tranh chấp, tuy nhiên muốn nghe quan điểm của ông M trước.

Ông Dương Quang M là nguyên đơn trình bày: Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp gia đình nhà chị H thiện chí hòa giải thì đề nghị gia đình nhà chị H nộp số tiền 26.363.000 đồng vào cơ quan thi hành án để tôi tự xây tường. Số tiền 2.550.000 đồng chi phí thẩm định, định giá mà Tòa án buộc gia đình chị H phải trả tôi thì tôi không lấy nữa. Nếu gia đình nhà chị H không đồng ý như ý kiến của tôi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn anh K, chị H trình bày: Gia đình tôi có quan điểm hòa giải là sẽ tự xây bức tường đảm bảo kỹ thuật cho gia đình ông M. Nếu ông M không tin tưởng có thể giám sát hoặc tự thuê thợ, gia đình tôi sẽ thanh toán chi phí xây dựng bức tường.

Nguyên đơn không chấp nhận quan điểm bị đơn nêu. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tranh luận tại phiên tòa:

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, lỗi của bị đơn đã được chứng minh rõ trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm vì có căn cứ pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng chính bản án không đúng quy định, điều tra không đầy đủ theo yêu cầu của bị đơn.

Không có căn cứ xác định tường xây trên đất hợp pháp của nguyên đơn, không có thiết kế, kết cấu của bức tường.

Không có căn cứ kết luận nguyên nhân đổ tường do hành vi đào ao của vợ chồng bị đơn vì 2 năm sau mới bị đổ tường.

Về yêu cầu phản tố để bị đơn nêu.

Chị Phạm Thị H trình bày: Chị nhất trí với quan điểm của luật sư, về yêu cầu phản tố chị đề nghị Tòa án chấp nhận vì không có căn cứ chứng minh bức tường đổ là do lỗi của gia đình bị đơn.

Anh K đồng ý với quan điểm của chị H và luật sư.

Người bảo vệ cho nguyên đơn trình bày: Không chấp nhận quan điểm của Luật sư cũng như bị đơn nêu.

Ông M không chấp nhận quan điểm của Luật sư và phía bị đơn trình bày.

Luật sư bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện TY tham gia tố tụng để xem xét rõ đất của các gia đình là vi phạm. Không xem xét thủ tục phản tố của chị H theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn trình bày: Đây là đất công ích do xã quản lý nên không phải đưa Ủy ban nhân dân huyện TY tham gia tố tụng. Tôi không làm đổ tường vào ao nên tôi không phải dọn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập có đủ căn cứ chứng minh gia đình ông M bị thiệt hại tài sản do hành vi cải tạo ao của gia đình anh K, chị H gây ra. Cấp sơ thẩm xét xử buộc anh K, chị H phải bồi thường thiệt hại cho ông M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H. Đề nghị căn cứ khoản 2, Điều 308, Điều 309 - BLTTDS xử không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H ý án sơ thẩm về nội dung; sửa án sơ thẩm về phần án phí do chị Phạm Thị H, anh

Giáp Văn K thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị H được nộp cho Tòa án nhân dân huyện TY trong thời hạn quy định và chị Phạm Thị H thuộc diện hộ cận nghèo được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do đó kháng cáo của chị Phạm Thị H là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, HĐXX thấy:

[3.1] Về nội dung kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ban hành quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 05/01/2018 sửa đổi bổ sung bản án không đúng quy định của pháp luật, không có giá trị. HĐXX thấy: Trong quá trình phán hành bản án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót và ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 05/01/2018 Sửa chữa bổ sung bản án. Việc sửa đổi, bổ sung này tuy không đúng quy định nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự có yêu cầu. Mặt khác đây là lỗi do soạn thảo văn bản phát hành văn bản tố tụng còn trong biên bản nghị án và bản án gốc đều có những nội dung được sửa đổi, bổ sung. Do đó không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc phát hành văn bản tố tụng.

[3.2] Về quan điểm của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn xem xét bức tường được xây dựng trên đất của ai thì đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại, các đương sự không yêu cầu xem xét tranh chấp quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn và luật sư nêu ra.

[3.3]. Về xác định nguyên nhân đổ tường, HĐXX thấy: Năm 2005 nguyên đơn ông Dương Quang M đã xây dựng bức tường bao bằng gạch chỉ, máng thoát nước từ cổng kéo vào vườn trên một phần đất thổ cư được UBND huyện TY cấp đổi giấy chứng nhận số 04932 ngày 15/8/2008 tổng diện tích đất là 2040m² tại thôn GT, xã T T, huyện TY, tỉnh Bắc Giang và một phần đất được UBND xã T T cấp cho hộ ông M để làm đường đi có diện tích 144m² (theo biên bản cấp đường đi của UBND xã T T ngày 16/02/1995). Khi hộ ông M xây dựng bức tường bao và máng thoát nước này thì không có tranh chấp gì, không mâu thuẫn gì, hộ anh K chỉ Hcó biết nhưng cũng không có ý kiến gì đến năm 2015 khi tường bị đổ mới xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông M và vợ chồng anh K. (BL 36^a;109; BL 381- 382);

Anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H trình bày sau khi làm đơn đề nghị cải tạo hồ ao và được UBND xã T T đồng ý. Năm 2013 đã anh chị đã thuê máy múc, múc phần đất ở lòng ao sâu từ lòng ao cũ xuống lòng ao mới là 50cm, cách chân tường khoảng 01m. Nguyên nhân bức tường bao nhà ông M bị đổ là do thiên tai chứ không phải do lỗi của vợ chồng anh, vì vợ chồng anh cải tạo ao từ năm 2013 đến năm 2015 đoạn tường nhà ông M mới bị đổ, và khi cải tạo vợ chồng anh không lấn chiếm hay làm ảnh hưởng gì đến bức tường của gia đình ông M.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định nguyên nhân bức tường và máng nước do ông M xây dựng bị đổ, nhưng do không có hồ sơ thiết kế thi công được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt do đó không đủ cơ sở để Trung Tâm giám định chất lượng xây dựng thực hiện trưng cầu giám định theo yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 16/11/2017 với ông Giáp Minh H – Phó trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng huyện TY trình bày: “ Nếu anh K đào sâu 50cm, cách tường nhà ông M 1m thì mái đắp đảm bảo nhưng phải gia cố bằng đá hoặc gạch để tránh bào mòn chân móng dẫn đến sụp đổ tường... Sau khi đào ao mà anh K đã đóng cọc tre bảo vệ nhưng lại nhổ cọc tre dẫn đến lâu ngày bào mòn chân tường bị bệch đổ...”

Từ những căn cứ nêu trên, có thể xác định có việc hộ gia đình ông Dương Quang M xây dựng bờ tường bao và máng nước tiếp giáp với ao Ngõ Đá mà gia đình anh Giáp Văn K, chị Phạm Thị H đang đầu thầu của UBND xã TT, huyện TY. Việc anh K thuê máy múc về múc một phần đất cải tạo ao hồ sâu hơn kế hoạch cải tạo ao chỉ tét làm sụp đổ tường bao của hộ nhà ông M là có căn cứ. Qua thời gian, phần đất dưới chân móng tường nhà ông M bị bào mòn sụt lún dẫn đến hở chân móng và đến ngày 25/6/2015 bức tường đổ một đoạn 8,7m, sau đó bức tường bị đổ tiếp 20,4m, còn 3,5m bị nghiêng. Khi tường chắn bị đổ thì kéo theo máng nước phía trên và đất bên trong tường cũng sụp xuống ao do anh K đang thầu. Vì sau khi gia đình anh K cải tạo ao, hộ gia đình ông M đã có đơn gửi đến UBND xã T T đề nghị giải quyết tranh chấp. UBND xã T T đã cử đoàn công tác

xuống làm việc và lập biên bản làm việc ngày 25/3/2013. Tuy nhiên trong biên bản làm việc không thể hiện việc UBND xã yêu cầu hộ ông K phải đóng cọc tre bảo vệ tường nhưng tại biên bản xác minh ngày 05/5/2016 ông Nguyễn Văn K- Phó bí thư Thường trực xã T T trình bày “ Trong thời gian anh K cải tạo ao, ông M có ý kiến với UBND xã T T về việc anh K cải tạo ao làm ảnh hưởng tới bờ tường của gia đình ông. Ủy ban đã giao cho trưởng thôn và hộ anh K đảm bảo cải tạo theo đúng biên bản làm việc ngày 25/3/2013 để không làm ảnh hưởng đến các công trình liền kề. (bl89)” và tại biên bản xác minh ngày 05/5/2016 với bà Đỗ Thị T – Trưởng thôn GT trình bày: UBND xã T T có về làm việc và yêu cầu anh K phải đóng cọc tre và phải mức đất cách bờ tường nhà ông M một khoảng cách(khoảng cách cụ thể bà T không nhớ rõ). Anh K đã đóng cọc sau đó nhổ đi (BL302).

Tại biên bản phiên tòa (BL 152) anh K cũng khẳng định anh có đóng cọc tre để giữ phần đất phía chân tường không bị sụt. Tuy nhiên một thời gian anh K đã rút cọc tre ra vì nếu để như vậy khi thu hoạch cá sẽ dễ bị tai nạn. Như vậy, việc đóng cọc tre để đảm bảo giữ đất cho bức tường nhưng sau này anh K lại nhổ đi không có biện pháp nào đảm bảo cho công trình liền kề của ông Dương Quang M đã làm ảnh hưởng đến một phần của bức tường nhà ông M.

Trong việc này, lỗi của anh K là chủ sở hữu công trình phải đào chính là việc sau khi đào sâu 0,5m gần chân tường, anh đã ý thức được nguy cơ bức tường bị đổ, thể hiện bằng việc anh đã đóng cọc tre để bảo vệ bức tường nhưng sau đó anh lại nhổ cọc tre lên mà không có biện pháp gia cố, kê bờ hoặc biện pháp gì khác để bảo vệ chân tường nhà ông M dẫn đến chân tường bị bào mòn dần dần. Khi đào ao thì tường vẫn ngập trong đất, dần dần chân tường bị bào mòn đã hở móng tường, đến khi gặp tác động ngoại cảnh (mưa bão) thì bức tường bị đổ kéo theo máng nước và đất cũng tụt xuống ao. Như vậy hành vi cải tạo ao của anh K mà không có biện pháp gì bảo vệ bức tường dẫn đến hậu quả là bức tường, máng nước và đất bên trong tường của nhà ông M bị đổ một phần do lỗi của gia đình anh K phù hợp với quy định tại Điều 268 BLDS 2005.

Anh K cũng thừa nhận là khi mức đất đến gần chân tường thì anh cũng chỉ ước chừng khoảng cách còn 1m cũng không đo đạc thực tế. Tại phiên tòa anh K, chị H cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho việc đã cách bức tường xây 01m và sâu 50cm như đã trình bày.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, lấy lời khai của các đương sự, xác minh tại các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vụ án. Việc bị đơn chị Phạm Thị H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tuy nhiên xét về lỗi trong vụ án này thì thấy: Thời điểm bị đơn cải tạo ao có xin phép và được sự đồng ý của địa phương. Quá trình cải tạo do có hiện tượng ảnh hưởng đến tường của nhà ông M, ông M đã có đơn phản ánh lên UBND xã T

T và UBND xã T Tđã cử cán bộ xem xét giải quyết. Phía bị đơn chị Phạm Thị H đã gia cố bằng cọc tre để đảm bảo công trình xây dựng của nhà ông Dương Quang M. Trong trường hợp này nguyên đơn phải cùng với với bị đơn phối hợp để khắc phục sự cố không để thiệt hại xảy ra. Tuy nhiên hai bên đương sự đã không thực hiện dẫn đến trong quá trình sử dụng hai năm sau đó thì tường bị đổ. Mặt khác bức tường có thời gian xây dựng đã mười năm cộng với yếu tố thời tiết, địa chất nên cũng bị ảnh hưởng một phần về kết cấu. Vậy HĐXX xác định có lỗi của cả hai bên theo tỉ lệ 50:50.

Vì vậy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phạm Thị H về việc không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang M yêu cầu gia đình chị H, anh K phải bồi thường thiệt hại vì bức tường xây bị đổ. Không có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm của bị đơn và luật sư đưa ra.

Về bồi thường thiệt hại về tài sản:

Theo biên bản định giá ngày 22/3/2016 thì đoạn tường bị đổ có chiều dài 8,7m và 23,9m tường bị nghiêng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định, định giá bổ sung ngày 10/8/2017 thì hiện trạng bức tường và phần đất dưới chân tường đã bị đổ gần hết chỉ còn lại phần đầu bức tường giáp tường bao nhà ông M là 3,5m và phần tường còn lại không có giá trị sử dụng; phần máng thoát nước còn lại chưa đổ là 26.4m. Tổng trị giá 32,6m tường này theo biên bản định giá tài sản ngày 22/3/2016 và biên bản định giá ngày 14/8/2017: là 23.810.000đồng, máng nước có trị giá 315.000đồng, tiền đổ đất sau khi xây lại tường trị giá 2.268.000 đồng. Tổng cộng là 26.393.000 đồng. Đây là các thiệt hại thực tế đã được định giá mà do hành vi cải tạo ao không đúng quy định của anh Giáp Văn K gây ra. Anh K và chị H là vợ chồng nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông M số tiền này theo mức độ lỗi đã phân tích ở trên cụ thể bồi thường là 13.196.500 đồng. Bên cạnh đó vợ chồng anh K, chị H phải có trách nhiệm tháo cạn nước ao để ông M xây lại tường.

Đối với các yêu cầu bồi thường của ông Dương Quang M về chi phí in ấn, phô tô công chứng tài liệu, tiền chụp ảnh làm bằng chứng nộp Tòa án, tiền mất thu nhập do phải thu thập tài liệu và đến Tòa án làm việc và yêu cầu bồi thường thiệt hại về rau ăn, cây cau chết; yêu cầu bồi thường xăng xe đi lại ông Dương Quang M không kháng cáo nên tòa án không đặt ra xem xét.

[3.4] Về yêu cầu phản tố của chị H: Yêu cầu ông Dương Quang M phải vớt gạch đất bị đổ dưới ao lên để trả lại lòng ao cho anh chị canh tác. HĐXX thấy:

Do bức tường, máng nước và đất bị đổ xuống ao có một phần là do lỗi của anh K chị H như đã nhận định ở trên gây ra nên anh chị phải chịu trách nhiệm vớt số gạch đất này. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị H là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông M trả lại đất bờ ao lấn chiếm và bồi thường thiệt hại của vợ chồng anh K thì anh K chị H đều không yêu cầu giải quyết nữa, cấp sơ thẩm không giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.5] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[3.6] Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí giám định: Cơ quan giám định không tiến hành giám định được nên các đương sự không phải chịu chi phí giám định.

- Về chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí cả hai lần là 2.550.000 đồng. Do yêu cầu của ông M được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này, ông M đã tạm ứng khoản tiền 2.550.000 đồng nên buộc anh K chị H phải trả lại ông M $\frac{1}{2}$ số tiền này là 1.275.000 đồng.

- Về án phí:

Sau khi xét xử sơ thẩm gia đình chị Phạm Thị H, anh Giáp Văn K xuất trình cho tòa án Giấy chứng nhận hộ cận nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí, nên HĐXX thấy cần áp dụng quy định của pháp luật hiện hành sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí. Cụ thể:

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận $\frac{1}{2}$ yêu cầu nên ông M, anh K và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức độ lỗi, nhưng do ông M là người cao tuổi, anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên ông M, anh K chị H được miễn án phí về số tiền án phí trên.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu phản tố không được chấp nhận, nhưng do anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án được miễn án phí nên anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H được miễn số tiền trên. Hoàn trả chị Phạm Thị H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Phạm Thị H được chấp nhận một phần và chị H thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị H, ông Dương Quang M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 148 khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 3, Điều 296; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 268, 604, 608 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang M.

- Buộc anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Dương Quang M số tiền 13.196.500 đồng (Mười ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn lăm trăm đồng chẵn).

- Buộc anh K chị H phải tháo cặn nước ao NĐ do anh chị đang sử dụng để ông M xây lại bức tường.

2. Bác yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị H đối với ông Dương Quang M. Ông Dương Quang M không phải vớt gạch đất dưới ao NĐ do anh K chị H đang đầu thầu.

3. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Anh Giáp Văn K chị Phạm Thị H và ông Dương Quang M mỗi bên phải chịu số tiền 1.275.000 đồng. Do ông M đã nộp số tiền 2.550.000 đồng nên anh K, chị H phải trả cho ông M số tiền 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).

4. Về án phí:

- Miễn án phí sơ thẩm cho anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H. Hoàn trả anh Giáp Văn K và chị Phạm Thị H số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0001019 ngày 01/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

- Miễn án phí sơ thẩm cho chị Phạm Thị H do yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Hoàn trả chị Phạm Thị H 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số AA/2016/0003826 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

- Miễn án phí sơ thẩm cho ông Dương Quang M do ông M là người cao tuổi.

- Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

